

TƯ TƯỞNG CỦA NGÔ THÌ NHẬM VỀ CON NGƯỜI VÀ GIÁO DỤC CON NGƯỜI

NGUYỄN BÁ CƯỜNG (*)

Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) là nhà tư tưởng tiêu biểu của lịch sử dân tộc, với những đóng góp về mặt triết học, chính trị học, quân sự học, văn học, giáo dục... Trong đó, vấn đề con người được ông quan tâm trước hết. Ông tiếp cận vấn đề con người và bản tính con người vừa trên cơ sở "thiên tính tự nhiên" vừa trong những mối quan hệ xã hội phức tạp. Đặc biệt, ông chỉ ra vai trò to lớn của điều kiện kinh tế và giáo dục đối với sự hình thành và thay đổi bản tính con người. Nhận thức được tính quy luật của sự phát triển xã hội, Ngô Thì Nhậm có những tư tưởng mang tính chất chiến lược về giáo dục và trọng dụng hiền tài. Với những đóng góp của mình, ông "mãi mãi là ngôi sao sáng trên bầu trời Việt Nam, làm vẻ vang cho giống nòi".

Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) là một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu trong lịch sử dân tộc. Sống trong thời kỳ của những chuyển biến xã hội hết sức lớn lao và nhanh chóng vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, ông đã có những cống hiến quan trọng đối với sự phát triển đất nước và của lịch sử tư tưởng Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp của Ngô Thì Nhậm đã được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu trên những phương diện khác nhau. Tuy nhiên, trên bình diện lịch sử triết học và tư tưởng giáo dục thì cần thiết phải làm sáng tỏ hơn nữa những đóng góp quý báu của ông về vấn đề con người, giáo dục con người và trọng dụng nhân tài trong sự nghiệp chấn hưng đất nước.

1. Về vấn đề con người

Trong toàn bộ tư tưởng của mình, vấn đề con người được Ngô Thì Nhậm quan tâm trước hết. Tiếp thu truyền thống tư tưởng phương Đông nhưng ông đã có những kiến giải mới mẻ, độc đáo về vấn đề con người, thể hiện trí tuệ của một nhà triết học. Bàn về vấn đề con người, Ngô Thì Nhậm chú trọng tới sự sinh thành và bản tính con người.

1.1. Về sự sinh thành con người

Ngô Thì Nhậm lý giải sự sinh thành con người dựa trên những tư tưởng triết học

của Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, sự hình thành con người được ông đề cập tương đối rõ nét. Xuất phát từ quan điểm trong Kinh Dịch: "Trời và người cùng chung một lý" - ("Lý" ở đây được hiểu như là quy luật vận hành tự nhiên của trời đất và muôn vật - N.B.C), ông coi sự xuất hiện của con người là do trời sinh ra. Nhưng khi nhìn nhận về sự sinh, diệt theo lẽ tự nhiên của con người thì ông lại chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Ông cho rằng, sự nhận thức về lẽ sinh - diệt của con người tất thấy "đều từ cái Tâm của con người tạo ra". Mặc dù luận điểm này thể hiện rõ tính duy tâm, thần bí, nhưng khi kiến giải về mối quan hệ giữa ý (thuộc ý thức, tinh thần) với xúc (thuộc về cơ thể, vật chất) trong con người, Ngô Thì Nhậm đã có những kiến giải tinh tế. Theo ông, "người nào không có ý, không có xúc thì không thấy cái đó", tức là không thể nhận thức được Tâm - cái tạo ra sự sinh, diệt trong con người. Mặt khác, ông thừa nhận hình thể của con người là do hình và khí tạo nên; do đó, không thể không bị quy luật sinh diệt chi phối. Ông nói: "Người thì

(*) Thạc sĩ triết học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

có hình, có khí (chất), đã bị hạn chế ở trong hình và khí thì ai mà vô sinh được và ai mà vô diệt được?”(1). Ngoài việc xem hình, khí tạo nên con người, ông còn chú ý tới ảnh hưởng của điều kiện sinh hoạt thường ngày, đặc biệt là yếu tố dinh dưỡng đối với cơ thể con người. Ông viết: “cái thân của mình ta là do tinh khí tụ hợp, còn cái bộ dạng là do sự nhiễm tập ở nơi ăn ở, hoặc do sự thay đổi trong cách bồi dưỡng tắm rửa”(2). Ở đây, tuy quan điểm còn thô sơ, song cũng cho thấy đó là một cách nhìn thực tế.

Không chỉ lý giải về sự sinh thành con người, Ngô Thì Nhậm còn quan tâm giải thích mối quan hệ giữa tinh thần và thân thể trong con người. Từ quan điểm của Nho giáo: “Tinh khí cấu tạo ra vật”, ông cho rằng: “Tinh thần cất giấu ở trong thân thể, thân thể là đồng một chất với trời đất”. Theo ông, thân thể là cái có giới hạn, còn “tinh thần thì không tiêu tan”; có như thế, con người “mới giữ được cái chân tướng của mình”. Do quan niệm tinh thần là yếu tố đầu tiên có trước thân thể, tinh thần mới là cái tồn tại lâu dài nên Ngô Thì Nhậm khuyên con người hãy giữ gìn và coi trọng tinh thần: “Sống thì giữ trang trọng, chết thì giữ rất nghiêm túc”. Ông nói tiếp: “Thân thể người ta đồng chất với trời đất, có tinh thần mới có cái thân thể này. Nếu biết giữ gìn trang nghiêm thì được cùng trời đất lâu dài vậy”(3). Lý luận trên cho thấy, ông đã bước sang lĩnh vực lễ sống của con người, một lĩnh vực mà con người cần phải rèn luyện.

Như vậy, trong quan niệm về sự sinh thành con người, Ngô Thì Nhậm đã thể hiện như một nhà triết học. Mặc dù vẫn chưa thể vượt ra khỏi khuôn mẫu truyền thống cũ, nhưng ông đã có những kiến giải sâu sắc, mới mẻ, đặc biệt là nhận định về ảnh hưởng của cách thức sinh sống và điều kiện dinh dưỡng đối với cơ thể con người.

1.2. Về bản tính con người

Bàn về bản tính con người, hầu hết các nhà tư tưởng Việt Nam ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của các học thuyết triết học phương Đông truyền thống. Ngô Thì Nhậm cũng không phải là ngoại lệ. Xuất phát từ quan điểm Nho giáo về “thiên tính”, “nhân tính”, ông quan niệm “mệnh” - “thiên tính” là cái toàn thể, rộng lớn như biển cả, bao quát như đất trời còn “tính người” thì rất nhỏ. Tính người “chỉ là một vốc nước con trong biển”, được chứa đựng trong cái toàn thể - mệnh. Điều đáng chú ý là, trong tư tưởng của mình, ông đã nhấn mạnh sự tác động của các yếu tố xã hội đến việc thay đổi bản tính con người.

Khi bàn về bản tính con người, *trước hết*, Ngô Thì Nhậm tiếp cận trên cơ sở tự nhiên của nó. Ông gọi đó là “Thiên tính tự nhiên”.

Từ quan điểm triết học “vạn vật đồng nhất thể”, ông cho rằng, con người cũng như vạn vật “đều có thiên tính tự nhiên của nó”(4). Vậy thiên tính tự nhiên là gì? Ông trích dẫn Kinh Thư: “Trời sinh con người có Dục” và lý giải: với con người, “Dục là tính [tự nhiên]; nó ở trong nhật dụng thường hành, như đói thì muốn ăn, khát thì muốn uống, không có không được”(5). Theo đó, ngay từ khi sinh ra, con người được đã có tính tự nhiên - dục, mà dục được hiểu theo nghĩa là những nhu cầu tự nhiên của con người, do vậy việc đáp ứng những nhu cầu ấy là tất yếu trong quá trình tồn tại và phát triển của họ. Ở đây, khi nhìn nhận con người trong chính bản tính tự nhiên vốn có của nó, ông đã tuyệt đối hóa cái thiên tính tự nhiên đó. Ông cho rằng, “lòng người chẳng qua là lòng dục mà thôi”.

(1) *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*, t.I - Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 72.

(2) *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*, t.I. Sđd., tr. 83.

(3) *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*, t.I. Sđd., tr. 147 - 148.

(4) *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*, t.I. Sđd., tr. 62.

(5) *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*, t.I. Sđd., tr. 66.

Chịu ảnh hưởng sâu sắc của Tống Nho, Ngô Thì Nhậm đã chỉ rõ mối quan hệ giữa “tính trời” và “tình người”. Ông nói: “Trời cho người cái tâm có tính thường. Có cái tính của trời thì có cái tình của người”. Cũng như Tống Nho chủ trương “*Tồn thiên lý, diệt nhân dục*”, Ngô Thì Nhậm chủ trương xóa tất cả mọi dục vọng để “Tâm” được tuyệt đối trong sáng. Khi đề cao tuyệt đối cái thiên tính, ông còn yêu cầu con người phải diệt bỏ mọi dục vọng ngay cả trong ý nghĩ của mình. Theo ông, khi nhận thức, nếu “trong lòng chỉ một khối thiên lý, không hề có một mảy nhân dục riêng tây” thì có thể nhận thức đối tượng một cách “quang minh chính đại”, còn nếu “vọng tưởng quàng xiên, làm cho lòng dạ phiến nhiệt, càng tư tưởng càng bế tắc” thì không thể nhận thức được đối tượng. Chỉ khi con người diệt được “nhân dục” thì mới có thể nhận thức được “thiên lý” và noi theo nó(6).

Thứ hai, xuất phát từ tư tưởng triết học về sự vận động của vũ trụ: “trên đời chẳng cái gì mà chẳng lưu hành, chẳng cái gì mà chẳng vận động”, Ngô Thì Nhậm cho rằng, “bản tính của con người” vừa động, vừa tĩnh, tùy theo hoàn cảnh, hành động và sự hiểu biết của mỗi người. Như vậy, ông đã tiếp cận con người trong mối quan hệ xã hội phức tạp, thấy rõ được sự tác động của những nhân tố xã hội đến sự thay đổi bản tính con người.

Theo Ngô Thì Nhậm, con người vốn thiện, nhưng do hoàn cảnh mà thành ra bạc ác. Ông nói: “Ôi! Phàm đã làm người, ai chẳng muốn làm điều tốt, chỉ vì hoàn cảnh bắt buộc mới làm việc ác, để cho lương tâm mòn mỏi”. Điều đó, theo ông, có nguyên nhân từ những điều kiện kinh tế và xã hội. Việc “tụ lập bè đảng, lấy việc cưỡng bức để sinh nhai cũng là chỗ bất đắc dĩ, hoặc vì đói rét mà bức bách, hoặc vì bạo ngược xua đuổi, mới đến nương thân nơi sóng gió, không có lối thoát ra”(7). Từ quan niệm coi hoàn cảnh xã hội tạo nên con người, ông cho rằng, cần phải tạo ra được

hoàn cảnh và những quan hệ xã hội tốt đẹp để hoàn thiện con người. Với quan niệm này, ông chủ trương dùng đạo lý để chế ngự con người, dùng lễ phải để thu phục lòng người, khiến cho những người tài cán giỏi giang, “những đứa giặc nước đều có thể thành những bầy tôi lương đồng”. Điều đặc biệt là, Ngô Thì Nhậm đã đề cập đến việc cần chú trọng giáo dục con người ngay từ khi còn là bào thai. Ngoài ra, ông còn chỉ rõ sự tác động của môi trường, điều kiện, hoàn cảnh gia đình đến việc hình thành tư chất, diện mạo của trẻ. Ông viết: “Con trai con gái mà giống cha giống mẹ là do sớm chiều ăn ở cùng nhau và cách thức bồi bổ dinh dưỡng thích hợp với nhau”. Tuy nhiên, cũng ở đây, ông đã không thể vượt qua được hạn chế của Nho giáo về sự phân chia thứ hạng người trong xã hội. Khi tuyệt đối hóa yếu tố trí tuệ bẩm sinh trong hai hạng người (thượng trí và hạ ngu) và phủ nhận cả những tư tưởng tiến bộ mà mình vừa khẳng định, ông cho rằng, “bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là không thay đổi theo ngoại cảnh”(8).

Như trên đã nói, trong con người, ngoài thiên tính tự nhiên do trời phú, còn có “*Thiên lương*” - cái đạo, tính tốt mà trời phú cho người. Theo Ngô Thì Nhậm, người nào mà không “có đạo người”, tức là “mất hết thiên lương, thì tính người tiêu diệt” và “phải đi vào cái đạo của súc sinh”. Muốn chặt đứt cái nghiệp căn, hay muốn không để mất thiên lương, tức là đạo người thì phải có một tia sáng - trí tuệ(9). Ở đây, ông đã có lý khi đề cập đến vai trò của trí tuệ như là ánh sáng soi rọi để con người giữ được đạo người, trở về với đức tính tốt trời phú cho.

(6) *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*, t.I. Sđd., tr. 76.

(7) *Tổng tập văn học Việt Nam*, t. 9A. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 91.

(8) *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*, t.I. Sđd., tr. 84.

(9) *Thơ văn Ngô Thì Nhậm*, t.I. Sđd., tr. 87.

Ngô Thì Nhậm đi từ sự khác nhau về thể chất để nhận ra sự khác nhau về bản chất của mỗi người. Theo ông, cần phải dùng giáo dục, mà chủ yếu là thông qua giáo dục đạo làm người để cho bản chất con người trở nên gần nhau, giống nhau, làm cho quan hệ xã hội trở nên hài hòa để từ đó, xây dựng một xã hội có nền văn hóa, giáo dục hưng thịnh. Ông viết: “Người ta, mặt không giống nhau thì lòng cũng không giống nhau (...). Vậy thì ở chỗ không giống nhau đó, đem đạo lý bàn bạc với nhau để làm cho giống nhau, ở chỗ không thường tụ họp đó, ta lấy đức tính tốt khuyên bảo nhau để thường tụ họp; thờ thần minh không lỗi đạo thành kính, thờ vua cha không lỗi đạo trung hiếu, ở gia đình thì làm người lương thiện, ở làng xóm thì làm người nết na; thẳng thắn nhưng không tranh giành nhau, hòa nhã để cư xử với nhau. Khiến cho văn vật đời đời sáng láng, khoa mục ngày càng hưng thịnh”(10).

Như vậy, có thể nói, trong tư tưởng Ngô Thì Nhậm về bản tính con người có nhiều điểm hợp lý, kế thừa được những giá trị trong lịch sử tư tưởng dân tộc. Ông thấy được vai trò to lớn của điều kiện kinh tế và những quan hệ xã hội, đặc biệt là thấy được tầm quan trọng của giáo dục trong việc hình thành và thay đổi tính người. Những quan niệm tích cực đó càng được thể hiện rõ nét khi ông bàn đến vai trò của giáo dục trong việc xây dựng con người, vai trò của hiền tài đối với quốc gia. Từ tư tưởng đó, ông đã đưa ra những chủ trương mới để dựng xây triều đại và chính những hành động thực tiễn của ông đã khẳng định tính đúng đắn, tiến bộ của nó ở một mức độ nhất định.

2. Về giáo dục và trọng dụng hiền tài

Hoạt động dưới lá cờ trọng dân, trọng nghĩa của triều đình Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm sớm đưa ra chủ trương “xây nền, dựng nước”: Xây nền bình trị của một quốc

gia phải có “nhân chính tốt”. Dựng nước của cả dân tộc phải dựa vào muôn dân, trồng cây vào bể tôi hiền tài(11). Để thực hiện chủ trương đó, trước hết, ông chú ý tới những vấn đề, như làm thế nào để có nền chính trị nhân nghĩa tốt, làm gì để có những người hiền tài,...? Trải nghiệm và suy ngẫm từ thực tế lịch sử, ông đã thấy được câu trả lời cho những vấn đề trên, đó chính là **giáo dục**. Với những tư tưởng sâu sắc, thể hiện trí tuệ của một trí thức dân tộc chân chính, Ngô Thì Nhậm đã đưa ra một tầm nhìn chiến lược về giáo dục và trọng dụng hiền tài.

2.1. Giáo dục - nền tảng của công cuộc dựng nước

Xây dựng đất nước văn hiến là đặc điểm lịch sử của dân tộc ta. **Văn hiến - sự phát triển của văn hóa, giáo dục và sự phong phú về nhân tài** - là niềm tự hào, đích phấn đấu, cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Nguyễn Trãi đã từng khẳng định điều đó trong *Đại cáo bình Ngô*: “Xét như nước Đại Việt ta, thật là một nước văn hiến”. Sau Nguyễn Trãi gần bốn trăm năm, Ngô Thì Nhậm đã tự hào tuyên bố về nền văn hiến Đại Việt. Ông đã kế thừa và phát huy được cách đúc kết lịch sử hay nhất dựa vào “văn hiến” của tiền nhân khi cho rằng: “Nước Việt ta lấy văn hiến dựng nước”(12).

Nhận thức rõ vai trò của văn hóa, giáo dục đối với sự ổn định chính trị - xã hội, phục hưng đất nước, Ngô Thì Nhậm cho rằng: “Dựng nước lấy dạy học làm đầu” và giải thích rõ, giáo dục có “quan hệ đến đại điển buổi ban đầu, phải nên mài dũa hưng khởi ý chí,... cùng lên con đường rộng rãi, cùng giúp chính trị sáng trong”. Vì thế,

(10) *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, q.II. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 179.

(11) *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, q.I. Sđd., tr.371.

(12) *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, q.II. Sđd., tr.232.

theo ông, việc “lập giáo hóa, đặt khoa cử là quy mô lớn để chuyển loạn thành trị”, và đạo trị nước có ba “cái mấu chốt” luôn hỗ trợ lẫn nhau, có vai trò quan trọng như nhau là “giáo” (giáo dục), “pháp” (hình pháp) và “chính” (chính trị).

Khảo sát lịch sử xã hội và từ sự nghiên cứu kinh sách, Ngô Thì Nhậm nhận thấy mọi triều đại đều đề cập đến “giáo”, “pháp” và “chính”. Ông cho rằng, “nền nếp thịnh trị của các đế vương đời trước” có ba điều lớn mà nhà vua phải chú ý, đó là “chính đức” - uốn nắn đức tốt cho dân (thông qua giáo hóa, giáo dục), “lợi dụng” - sinh lợi cho dân, “hậu sinh” - trông coi cho dân sống đầy đủ. Ông nhận định: “Đến đời sau, những người có quốc gia, không triều nào là không có “giáo”, không đời nào là không có “pháp”, không thời nào là không có “chính”. Song, vẫn có triều đại không chấn hưng lên được, dù ở đó có “giáo”, có “pháp”, có “chính”. Bởi, vấn đề còn là ở chỗ khác.

Phân tích mối quan hệ qua lại giữa “giáo”, “pháp” và “chính”, Ngô Thì Nhậm cho rằng, không phải thời nào cũng nhận thấy được “cái tinh thần của “giáo”, “pháp” và “chính””. Ông chỉ ra nguyên nhân của việc không thực hiện được những điều đó. Ông nói: người đương thời “chỉ nhìn thấy cái bên ngoài của “giáo”, “pháp” và “chính”” mà không thấy cái gốc của giáo, chính, pháp. Ông nói: “Sở dĩ “giáo” không phổ cập được là do học trò không được học, mà học trò không học là do thầy không tinh; sở dĩ “pháp” không được lập là do người giỏi không được dùng, mà người giỏi không được dùng là do thường phạt không công minh; sở dĩ “chính” không thi hành được là do kẻ lại không được liêm, mà kẻ lại không được liêm là do bổng lộc không được đủ. Song thấy giảng không tinh, thưởng phạt không công minh và bổng lộc không đủ, duyên cớ là đều do tình trạng thiếu thốn và sự thực thiếu thốn. Cho nên, dù có cấp bách lo việc này nhưng nếu không nắm được mấu

chốt của nó, thì dù “trí” có thể biết được, nhưng “thể” vẫn không thể làm được”(13).

Điều đó cho thấy, Ngô Thì Nhậm đã vượt xa nhận thức của nhiều bậc trí thức đương thời, tỏ rõ quan điểm duy vật khi giải thích “mấu chốt” của “những điều mấu chốt” trong đạo trị nước chính là “do tình trạng thiếu thốn và sự thực thiếu thốn” về kinh tế. Có thể, ông đã vận dụng bài học trong đạo trị nước mà Khổng Tử từng dạy học trò - “*Tiên phú hậu giáo*” (trước tiên làm cho dân giàu, sau đó giáo dục cho dân) trong việc phân tích lịch sử và thực tế xã hội Việt Nam đương thời.

Ngô Thì Nhậm đã sáng suốt khi xác định “mấu chốt” của đạo trị nước, nhưng ông càng sáng suốt hơn khi biết phát huy sức mạnh của dân trong việc thực hiện “giáo”, “pháp” và “chính”. Ông cho rằng, từ kẻ hèn mọn cho đến nhân dân trong nước, thường ngày phải được cung cấp, nuôi dưỡng. Phải bằng chính sự chăm lo đến đời sống nhân dân thì triều đình mới thuyết phục được lòng người, huy động được sức dân. Làm được như vậy, triều đình mới “được đâu đấy hưởng ứng và đồng tình, như gió lướt ngọn cỏ, ức triệu lòng như một. Dựa vào đấy mà lập “giáo”, lo gì không có người dạy dỗ uốn nắn; dựa vào đấy mà lập “pháp”, lo gì không có người trông coi gìn giữ; dựa vào đấy mà lập “chính”, lo gì không có giúp đỡ khích lệ?”. Từ đó, “Dân không cần phải dắt bảo từng người mà vẫn tốt, tục không phải thay đổi hàng loạt mà vẫn hay, nhân tài không phải tìm ở nội cỏ mà tự nhiên đến, quan không cần phải đặt nhiều mà tự nhiên trị, nước không cần phải lấy của dân mà vẫn giàu, binh không phải xua ra trận mà vẫn mạnh”(14).

(13) *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, q. II. Sđd., tr.155.

(14) *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, q. II. Sđd., tr.155.

Nhắc lại kinh nghiệm trị quốc của Thánh tổ Quang Trung, Ngô Thì Nhậm cho rằng, trong sáu công việc phải quan tâm (“Hóa dân, thành tục, cầu hiền, thẩm quan, phú quốc, cường binh”) thì “cả sáu việc ấy *đồng thời cử hành, không cản trở nhau*” và giáo dục phải được đặt lên hàng đầu. Nhưng mấu chốt của giáo dục lại là kinh tế. Ông nói: “Điều mấu chốt là phải đem cái tình trạng thiếu thốn và cái sự thực thiếu thốn mà nghiên cứu chỉnh đốn lại. Đó là cái tâm pháp làm chính trị của muôn đời”. Đồng thời, ông cũng đưa ra một số biện pháp góp phần củng cố thể nước vững bền, đó là: người trị nước phải biết lắng nghe dân chúng mà không sợ rườm tai, “hay hỏi và hay xét đến những lời nói gần gũi”, phải “coi thiên hạ là một nhà, coi cả nước là một người... phải nắm được điều mấu chốt. Sau đó, nếu lấy hiếu, để, trung, tín làm “giáo”, lấy gốc, ngọn, độ số làm “pháp”, lấy binh, tài, lễ, nhạc làm “chính”, thì có thể thừa sức thi thố”.

Là người có đầu óc thực tế, khi coi cái mấu chốt nhất của đạo trị nước là đời sống kinh tế, nhưng khi xét hoàn cảnh cụ thể của nước ta, thì ông cho rằng, sau kinh tế, *quan trọng hơn cả chính là nhân tố con người, là hiền tài*. Bởi thế, ông nói: “Vua muốn nước “trị”, tất phải có người bề tôi giúp “trị”, sau đó “giáo”, “pháp” và “chính” mới có thể thực hiện được”. Đây chính là tư tưởng về sự cần thiết phải trọng dụng hiền tài trong công cuộc kiến thiết quốc gia.

2.2. *Coi trọng và sử dụng người hiền tài*

Nhận thức được điểm chung của sự phát triển xã hội, trong hầu hết các tác phẩm của mình, Ngô Thì Nhậm đều nhấn mạnh việc *xây dựng triều đại phải có nhiều người hiền tài thì mới vững, việc bình trị thiên hạ phải có nền tảng đạo đức thì mới bền*. Chúng ta thấy, ngay trong *Chiếu lên ngôi* (viết thay vua Quang Trung) - mở đầu của một triều

đại mới, đã thấm đượm tư tưởng ấy. Đặc biệt, trong *Chiếu lập học*, ông nhấn mạnh: “Cầu trị lấy nhân tài làm gấp”. Đây là tư tưởng thể hiện tầm khái quát lý luận sâu sắc, thực sự có tác động đến chủ trương và *thành quả phát triển của đất nước trong một giai đoạn lịch sử có nhiều biến động*.

Với những chủ trương, chính sách hợp tình, hợp lý, vì dân của triều đại Tây Sơn, thông qua ngôi bút tư tưởng, bằng sự lập luận chặt chẽ, đặc biệt là thái độ khiêm tốn, cầu thị, Ngô Thì Nhậm đã kêu gọi, thu phục được những người hiền tài ra giúp nước. Sự đề cao và khẳng định vị trí của trí thức Nho học và người hiền tài trong tư tưởng của ông là bài học quý báu cho đời sau.

Ngay sau khi đánh tan quân xâm lược Mãn Thanh, vua Quang Trung nghĩ ngay đến việc phát triển giáo dục, đào tạo và trọng dụng nhân tài phụng sự đất nước. Triều Tây Sơn chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng là triều đại có những đóng góp to lớn về phương diện giáo dục và trọng dụng người tài. Ngô Thì Nhậm cho rằng, một trong những nguyên nhân dẫn đến việc trị nước “có nhiều điều làm cứng nhắc và phiền nhiễu” là do người đứng đầu “chưa biết cầu hiền để giúp đỡ”. Bởi thế, đứng trước thực trạng “việc học không được sửa sang, khoa cử bỏ dần, nhân tài ngày càng thiếu thốn”, Ngô Thì Nhậm đã tỏ rõ được ý tưởng, tâm huyết của vua Quang Trung: “Trẫm khi vừa mới bình định, đã có nhĩ ý hậu đãi nhà Nho, lưu tâm yêu mến kẻ sĩ, muốn có người thực tài để dùng cho quốc gia”.

Dựng nước phải dựa vào người hiền tài, mà người hiền tài có ở trong dân. Nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của toàn dân, của những người hiền tài đối với sự nghiệp dựng nước, Ngô Thì Nhậm cho rằng, “Sức một cây gỗ không chống nổi tòa nhà to, mưu lược một kẻ sĩ không dung được cuộc thái bình. Hỏi rằng trong nước, một ấp mười nhà hẳn có người trung tín, hướng chỉ

trong cõi đất rộng lớn thế này, há lại không có người xuất kiệt hơn đời, để giúp rập chính sự buổi đầu...?”(15). Ở đây, ông đã biết vận dụng tư tưởng nhập thế hành đạo của nhà Nho để tuyên truyền, khích lệ tinh thần dân tộc của nhiều trí thức. Cũng với thái độ trân trọng hiền tài, Ngô Thì Nhậm đã khích lệ sự cộng tác của các sĩ phu, người tài đức ra giúp nước. Ông nói: “Có tài mà không để cho đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền tài”; “Trời đất thanh bình, chính lúc người hiền tài gặp gỡ gió mây”; người hiền tài nên “lấy lòng vì Nghiêu Thuấn quân dân” mà ra giúp nước; “Lòng dân đen trông ngóng”, người hiền tài “nỡ lơ lảng được sao?”.

Tư tưởng của Ngô Thì Nhậm về trọng dụng người hiền tài không những thể hiện ở sự đánh giá cao vai trò của họ, mà còn ở việc bề trên cần biết cách sử dụng và phát huy tài năng của họ trong những lĩnh vực khác nhau. Ông đã đặt trách nhiệm cho người đứng đầu thiên hạ. Ông viết: “Người hiền ở trên đời cũng như sao sáng trên trời. Sao tất phải châu về Bắc thần, người hiền tất phải do thiên tử sử dụng”. Nhưng thiên tử làm thế nào để có được người hiền tài mà sử dụng? Không thể dùng quân quyền để thúc ép sự cống hiến của họ, mà phải đi từ những chủ trương, chính sách hợp lòng dân, thuận lẽ trời. Chấp nhận ý kiến của ông, Quang Trung đã không câu nệ những người đến với mình là của triều trước, có khoa bảng hay không, miễn là có thực tâm và thực tài,... Nhờ vậy, triều đại Tây Sơn có được một hàng ngũ những nhà trí thức lỗi lạc, phò tá đắc lực cho đường lối chính trị đổi mới mang tính dân tộc. Ngô Thì Nhậm còn khuyên vua Quang Trung rằng, muốn cầu người hiền tài thì nhà vua phải “ao ước tìm thầy và mong được nhờ khuôn phép của kẻ tiên giác”, luôn luôn “im nghe lời dạy bảo, giúp đỡ” của bậc hiền tài, phải luôn “để ý lắng nghe, sớm hôm

mong mỏi” thì những người tài cao, học rộng, đức trọng, chí bền mới ra phụng sự đất nước. Hơn nữa, việc đó phải được tiến hành thường xuyên, trước sau như một: “Lòng cầu hiền... há đâu sinh bụng trước siêng sau lảng”.

Sự kiên trì và tấm lòng trọng hiền tài của Quang Trung và Ngô Thì Nhậm đã thu phục được rất nhiều nhân tài đất Bắc, đông đảo những nhân sĩ Thăng Long và Nghệ An, ngay cả những người trước đây vốn đã chống lại Tây Sơn, nặng lòng với triều cũ. Tiêu biểu như Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Nguyễn Thế Lịch, Vũ Huy Tấn, Trần Bá Lãm, Nguyễn Nha, Đoàn Nguyễn Tuấn, Nguyễn Bá Lân,... đã từng làm quan cho triều Lê - Trịnh, vui vẻ ra nhận công việc của triều Tây Sơn mà không bị ý thức trung quân cũ ràng buộc.

Có hiền tài rồi thì một vấn đề khác đặt ra là phải bồi dưỡng người hiền tài như thế nào để có thể phát huy được vai trò của họ?

Từ thực trạng nền giáo dục đương thời, Ngô Thì Nhậm nhận định rằng, người tài trong xã hội thông thạo việc đời và hiểu biết lòng người không phải là hiếm, nhưng do “không được dạy dỗ về hạnh”, không được trọng dụng nên dẫn đến tình trạng bất cần, “không thích sửa mình, (...), không cầu thực học, chỉ cầu hư danh”. Chính vì thế, theo ông, cần phải coi trọng sử dụng những người có “tư chất hơn người, bền lòng giữ đạo” để uốn nắn và nâng đỡ cho dân. Ông đưa ra yêu cầu phải kết hợp giữa dạy văn và dạy hạnh, vừa “phải biểu dương những người có đức hạnh tốt để làm mẫu mực” nhưng đồng thời phải “truất bỏ những người kiêu bạc để răn đe”(16).

Trong hàng ngũ những người trí thức xưa nay thì nhà giáo bao giờ cũng được đề

(15) *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, q.II. Sđd., tr.124.

(16) *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, q.II. Sđd., tr.163.

cao và được xã hội tôn vinh. Với Ngô Thì Nhậm, vấn đề tuyển chọn và sử dụng nhà giáo phải được quan tâm, bởi nhà giáo có ảnh hưởng to lớn đối với sự phát triển của quốc gia. Ông chẳng những khẳng định: “Dựng nước lấy dạy học làm đầu” mà còn nhấn mạnh rằng, “mọi việc trong vũ trụ đều là phận sự của nhà Nho chúng ta”. Ông đưa ra yêu cầu tuyển chọn nhà giáo: phải chọn lọc những “Nho sĩ có học thức, hạnh kiểm”, phải “chọn lọc kỹ những viên quan giảng dạy ở quốc học để làm khuôn mẫu cho học trò noi theo”, phải lựa chọn “người nào điềm đạm không cầu cạnh, ngay thẳng không xu phụ, có thể làm khuôn mẫu cho học trò”. Mặt khác, theo ông, cần phải “lấy ưu lễ đãi ngộ, cấp lương cho dồi dào, đề cao bề thế ông thầy, để cho học trò được phấn chấn, bồi dưỡng cho học cái khí “hạo nhiên” (chính khí của con người – N.B.C.), trau dồi cho họ thói quen liêm sỉ”. Đặc biệt, để đảm bảo chất lượng giáo hóa, ông lưu ý không nên để những người làm việc giảng dạy kiêm nhiệm những công việc khác. Ngoài ra, ông cũng đưa ra biện pháp cứng rắn đối với nhà giáo: “Kẻ nào dạy bảo không được, thì nạt bằng uy quyền, trị bằng hình pháp”(17).

Nhìn chung, đường hướng tư tưởng của Ngô Thì Nhậm về một nền giáo dục mới đã được phác thảo, nhưng ông cũng không vượt khỏi được đường lối giáo dục theo tinh thần Nho giáo phong kiến. Nội dung giáo dục vẫn thiên về đạo làm người, coi trọng nền tảng đạo đức xã hội. Tuy nhiên, Ngô Thì Nhậm cũng thể hiện được những điểm tiến bộ so với các nhà tư tưởng trước đó. Ông đặc biệt chú trọng phương pháp nêu gương, học tập gắn liền với sự suy tư, sự trải nghiệm trong cuộc sống, tôn trọng cá tính sáng tạo, năng lực chủ quan của người

học,... Về vấn đề trọng dụng hiền tài, ông không những phát huy được tinh thần trọng văn hiền đã từng được khắc ghi trên bia Tiến sĩ ở Văn Miếu - Hà Nội: “Hiền tài là nguyên khí quốc gia...”, mà còn hiện thực hóa được tinh thần ấy trong một triều đại trọng hiền, trọng dân. Tư tưởng của ông cho thấy rằng, ở bất cứ thời đại nào, xã hội chỉ có thể phát triển bền vững khi nhân tố con người được coi trọng, vấn đề giáo dục và đào tạo được quan tâm thích đáng, những nhân tài thực sự được trọng dụng và được tạo cơ hội cống hiến cho đất nước.

Như vậy, có thể nói, tư tưởng của Ngô Thì Nhậm về con người, về nhân tài, về đào tạo những con người tài đức đã thể hiện một tầm khái quát lý luận sắc sảo từ lý luận truyền thống cũng như từ thực tiễn phong phú đương thời. Ông được vua Quang Trung đánh giá là người “có tài tùy cơ ứng biến, thông thạo việc đời”, “để phúc cho dân”. Những cống hiến to lớn của người trí thức chân chính Ngô Thì Nhậm được lịch sử ghi nhận và khẳng định như là sự kế tục, tiếp nối và phát huy được truyền thống tư tưởng mà Nguyễn Trãi đã nêu gương. Dưới ánh sáng tư tưởng của thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã phát huy và làm rạng rỡ được nền văn hiến lâu đời của dân tộc. Trong bối cảnh đó, Ngô Thì Nhậm được khẳng định là một nhân tài về triết học, chính trị học, quân sự học, văn học, giáo dục học,... Chúng ta không thể không thừa nhận ông “mãi mãi là ngôi sao sáng trên bầu trời Việt Nam, làm vẻ vang cho giống nòi”(18).□

(17) *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, q.II. Sđđ., tr.166.

(18) Trường Chinh. *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* (in lần thứ hai). Nxb Sự thật, Hà Nội, 1974, tr.34.